

Cơ sở lý luận về hệ sinh thái truyền thông số trong công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị

Theoretical foundations of digital media ecosystem in communicating and educating political theory

PGS, TS. PHẠM MINH SƠN

Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Email: sonloanthu@gmail.com

TS. LƯƠNG ĐÔNG SƠN

Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Email: luongdongson@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/07/2026

Ngày phản biện: 02/7/2026

Ngày chấp nhận đăng: 20/8/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Báo chí truyền thông

Tóm tắt: Bài viết làm rõ cơ sở lý luận của hệ sinh thái truyền thông số trong công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị trên cơ sở phân tích tài liệu có chọn lọc, hệ thống hóa lý luận và mô hình hóa khái niệm. Nghiên cứu đề xuất cách hiểu về hệ sinh thái truyền thông số trong lĩnh vực này; xác định bốn thành tố cơ bản gồm chủ thể, nội dung, nền tảng và hạ tầng công nghệ số, cơ chế vận hành; đồng thời phân tích quan hệ giữa các thành tố qua ba chiều: liên kết, phản hồi và thích ứng. Phân tích cho thấy đổi mới tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị trong môi trường số không chỉ là số hóa tài liệu hay mở rộng kênh truyền thông, mà đòi hỏi tổ chức đồng bộ các thành tố và sử dụng phản hồi của công chúng làm căn cứ điều chỉnh. Từ đó, bài viết đề xuất một số hàm ý về phát triển năng lực truyền thông số, tổ chức học liệu, tương tác công chúng, kiểm chứng thông tin và quản trị nền tảng.

Từ khóa: Hệ sinh thái truyền thông số; tuyên truyền; giáo dục lý luận chính trị; chuyển đổi số; truyền thông chính trị; nền tảng số.

Abstract: The article clarifies the theoretical foundations of the digital media ecosystem in communicating and educating political theory through a selective analysis of relevant literature, theoretical systematization, and conceptual modeling. The study proposes an understanding of the digital media ecosystem in this field and identifies four basic components: actors, content, platforms and digital technology infrastructure, and operating mechanisms. It also analyzes the relationships among these components along three dimensions: connectivity, feedback, and adaptation. The analysis shows that innovating, communicating and educating political theory in the digital environment involves more than simply digitizing materials or expanding communication channels; it requires the coordinated organization of these components and the use of public feedback as a basis for adjustment. On this basis, the article proposes several implications for developing digital communication competencies, organizing learning materials, engaging with the public, verifying information, and managing digital platforms.

Keywords: digital media ecosystem; communicating and educating political theory; digital transformation; political communication; digital platforms.

Chuyển đổi số đang làm thay đổi phương thức sản xuất, phân phối, tiếp nhận và phản hồi thông tin. Ở Việt Nam, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia xác định chuyển đổi số là quá trình chuyển đổi tổng thể dựa trên công nghệ số (Thủ tướng Chính phủ, 2020);

Chiến lược chuyển đổi số báo chí nhấn mạnh xây dựng nền báo chí chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại và giữ vai trò dẫn dắt, định hướng thông tin trên không gian mạng (Thủ tướng Chính phủ, 2023). Giai đoạn 2026-2030, chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số

tiếp tục đặt trọng tâm vào hạ tầng, dữ liệu, nền tảng, trí tuệ nhân tạo, năng lực số và các hệ sinh thái số (Thủ tướng Chính phủ, 2026). Những định hướng này cho thấy chuyển đổi số không chỉ là bổ sung công nghệ, mà còn làm thay đổi cách tổ chức, quản trị và tương tác.

Sự phát triển của báo chí số, mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến làm truyền thông ngày càng vận hành theo logic mạng lưới và tương tác. Castells (2010, tr. 500) nhấn mạnh vai trò của mạng lưới trong thời đại thông tin; Chadwick (2017, tr. 5) mô tả hệ thống truyền thông lai ghép, nơi các logic cũ và mới cùng tồn tại và tác động lẫn nhau. Ở cấp độ nền tảng, van Dijck, Poell và de Waal (2018, tr. 32) chỉ ra các cơ chế dữ liệu hóa, thương mại hóa và lựa chọn có khả năng định hình thực hành xã hội. Các nghiên cứu gần đây cho thấy quá trình nền tảng hóa tiếp tục phân mảnh cách công chúng tiếp cận tin tức, với vai trò ngày càng rõ của mạng xã hội, video và nhà sáng tạo nội dung (Nielsen & Fletcher, 2023; Egan et al., 2026).

Sự dịch chuyển sang môi trường nền tảng còn làm thay đổi vị trí của các khâu trong quá trình truyền thông. Nếu ở mô hình truyền thống, quyền tổ chức phân phối phần lớn nằm ở chủ thể sản xuất và cơ quan truyền thông, thì trong môi trường số, khả năng hiển thị và lưu thông nội dung còn chịu tác động của kiến trúc nền tảng, dữ liệu và cơ chế lựa chọn. van Dijck, Poell và de Waal (2018) cho thấy nền tảng vừa là hạ tầng kỹ thuật vừa là môi trường tổ chức các tương tác xã hội; Nielsen và Ganter (2022) cũng chỉ ra sự bất cân xứng trong quan hệ giữa cơ quan báo chí và nền tảng. Điều này khiến việc đổi mới truyền thông không thể chỉ giải quyết ở cấp độ nội dung hoặc kênh phân phối riêng lẻ.

Trong bối cảnh đó, tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị phải thích ứng với một môi trường truyền thông mở, phân mảnh và tương tác cao. Đây là bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng, góp phần truyền bá tri thức lý luận, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, qua đó nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và định hướng hành động. Yêu cầu đổi mới gắn với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng theo Nghị quyết số 35-NQ/TW (Bộ Chính trị, 2018), đồng thời phù hợp với yêu cầu đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết

số 57-NQ/TW (Bộ Chính trị, 2024). Vì vậy, tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị trong môi trường số không chỉ cần truyền tải thông tin chính thống, mà còn phải nâng cao năng lực giải thích, kiểm chứng, đối thoại và phản hồi.

Nếu chỉ số hóa tài liệu, mở thêm tài khoản mạng xã hội hoặc đưa nguyên nội dung truyền thống lên môi trường mạng, đổi mới dễ dừng ở hình thức. Cần nhìn hoạt động này như một hệ sinh thái, trong đó chủ thể, nội dung, nền tảng và hạ tầng công nghệ số, cùng cơ chế vận hành có quan hệ phụ thuộc và điều chỉnh lẫn nhau; dữ liệu phản hồi là nguồn lực cho quá trình thích ứng.

Các nghiên cứu về xã hội mạng, hệ thống truyền thông lai ghép, nền tảng hóa, quyền lực nền tảng và tương tác công chúng đã cung cấp cơ sở quan trọng để lý giải môi trường truyền thông số. Tuy nhiên, các khung này chủ yếu được phát triển cho truyền thông số, báo chí hoặc truyền thông chính trị ở bình diện rộng. Khi vận dụng vào tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, ba vấn đề vẫn cần được làm rõ: nội hàm của hệ sinh thái truyền thông số trong lĩnh vực này; cấu trúc các thành tố; và mối quan hệ liên kết, phản hồi, thích ứng giữa các thành tố.

Từ khoảng trống trên, bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận của hệ sinh thái truyền thông số trong tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị; đề xuất cách hiểu về khái niệm, xác lập cấu trúc bốn thành tố và lý giải mối quan hệ, cơ chế tương tác giữa các thành tố. Bài viết đồng thời phân tích giá trị lý luận và đề xuất một số hàm ý thực tiễn.

Về phương diện học thuật, cách tiếp cận này giúp phân biệt hệ sinh thái truyền thông số với cách hiểu đơn giản về đa nền tảng. Trọng tâm không nằm ở số lượng kênh truyền thông, mà ở cách các thành tố được tổ chức, liên kết, tạo phản hồi và thích ứng trong môi trường chịu tác động đồng thời của công nghệ, nền tảng và hành vi công chúng.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết là nghiên cứu lý luận, tập trung phân tích và xây dựng khung khái niệm thông qua phân tích tài liệu có chọn lọc, hệ thống hóa lý luận, mô hình hóa cấu trúc khái niệm và phân tích - tổng hợp. Nghiên cứu không thực hiện tổng quan hệ thống; tài liệu được lựa chọn để làm rõ khái niệm, cấu trúc và cơ chế vận hành của hệ sinh thái truyền thông số trong tuyên

truyền, giáo dục lý luận chính trị.

Nguồn tài liệu gồm các công trình quốc tế về xã hội mạng, truyền thông chính trị, nền tảng hóa, dữ liệu hóa, quyền lực nền tảng và tương tác công chúng; các nghiên cứu trong nước về công tác tư tưởng, tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị; cùng văn kiện, chính sách và pháp luật liên quan. Tài liệu được lựa chọn theo ba tiêu chí: liên quan trực tiếp đến các khái niệm trung tâm; có giá trị lý luận hoặc chính sách; và hỗ trợ việc xác lập thành tố, quan hệ giữa các thành tố và hàm ý quản trị. Một số công trình nền tảng được sử dụng cùng các nghiên cứu gần đây để vừa bảo đảm cơ sở lý luận, vừa phản ánh biến đổi của môi trường truyền thông số.

Quá trình phân tích tập trung nhận diện, đối chiếu các luận điểm lý thuyết và nhóm các yếu tố theo chức năng trong quá trình truyền thông. Theo đó, các yếu tố được quy về bốn nhóm: tác nhân tham gia; nội dung được truyền thông; điều kiện nền tảng, hạ tầng và dữ liệu; phương thức tổ chức, phối hợp và điều chỉnh. Cách nhóm này nhằm hạn chế chồng lấn giữa các cấp độ phân tích. Trên cơ sở tổng hợp các luận điểm về liên kết, tương tác, phản hồi và khả năng thích ứng trong môi trường số, nghiên cứu sử dụng liên kết, phản hồi và thích ứng như ba chiều phân tích. Kết quả tổng hợp được dùng để xây dựng khung khái niệm và đề xuất hàm ý đối với đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái niệm hệ sinh thái truyền thông số trong tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị

Trong phạm vi bài viết, tuyên truyền và giáo dục lý luận chính trị được xem xét như hai phương diện có liên hệ chặt chẽ trong công tác tư tưởng nhưng không đồng nhất. Phùng Thị Hiền (2021), khi khái quát quan điểm của Đảng về công tác tư tưởng, đặt tuyên truyền và giáo dục trong cùng hệ thống nhiệm vụ nhằm định hướng nhận thức, động viên và tổ chức nhân dân. Ở phương diện giáo dục lý luận chính trị, Lương Khắc Hiếu (2008, tr. 99) xem đây là quá trình đồng thời diễn ra hoạt động truyền bá và tiếp thu lý luận chính trị. Trong bối cảnh chuyển đổi số, công tác tư tưởng, lý luận vẫn giữ vai trò định hướng nhận thức nhưng cần đổi mới nội dung, hình thức và phương thức triển khai để thích ứng với thay đổi của công nghệ và hành vi tiếp nhận thông tin (Phan Sỹ Thanh, 2025).

Khoản 1 Điều 3 Quy định số 350-QĐ/TW xác định đào tạo lý luận chính trị là quá trình truyền thụ và tiếp thu tri thức lý luận chính trị, củng cố thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng và nâng cao năng lực vận dụng thực tiễn cho cán bộ (Ban Bí thư, 2025). Đào tạo chỉ là một bộ phận của phạm vi bài viết. Ở đây, tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị được hiểu rộng hơn là quá trình tổ chức truyền đạt, diễn giải và lan tỏa tri thức lý luận chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng các phương thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, năng lực lý giải thực tiễn và định hướng hành động chính trị - xã hội.

Trong môi trường số, quá trình này diễn ra trong các không gian có tính tương tác cao. Công chúng không chỉ tiếp nhận mà còn tìm kiếm, bình luận, chia sẻ, phản hồi, phản biện và tái diễn giải thông tin. Vì vậy, tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị không còn chỉ là truyền đạt nội dung từ chủ thể đến đối tượng tiếp nhận, mà trở thành quá trình truyền thông có liên kết, đối thoại, phản hồi và điều chỉnh.

Cách tiếp cận hệ sinh thái nhấn mạnh quan hệ tương tác giữa các thành tố và môi trường cùng tồn tại, vận động và biến đổi. Trong nghiên cứu truyền thông, cách tiếp cận này cho phép xem truyền thông không phải là tập hợp rời rạc của phương tiện, kênh hay chủ thể, mà là một môi trường quan hệ giữa công nghệ, nội dung, chủ thể và công chúng. Zhu và Peng (2025) cho rằng khung hệ sinh thái chỉ có giá trị giải thích khi không dừng ở mô tả cấu trúc mà còn làm rõ chức năng và cơ chế tương tác. Do đó, bài viết sử dụng cách tiếp cận hệ sinh thái để nhấn mạnh tính phụ thuộc lẫn nhau, phản hồi và khả năng thích ứng của các thành tố.

Từ góc nhìn xã hội nền tảng, các nền tảng trực tuyến đã thâm nhập sâu vào đời sống xã hội, tác động đến thiết chế và thực hành xã hội - văn hóa, đồng thời đặt ra yêu cầu điều chỉnh về pháp lý và quản trị (van Dijk, Poell & de Waal, 2018, tr. 2). Vì vậy, hệ sinh thái truyền thông số không phải là phép cộng của nhiều kênh trực tuyến, mà là môi trường vận hành trong đó con người, nội dung, công nghệ, dữ liệu, nền tảng và cơ chế quản trị vừa tạo điều kiện, vừa giới hạn và điều chỉnh lẫn nhau.

Điểm cần phân biệt là tiếp cận hệ sinh thái không

đồng nghĩa với hiện diện trên nhiều nền tảng. Một chủ thể có thể đồng thời sử dụng báo điện tử, mạng xã hội, video hoặc podcast nhưng hoạt động vẫn mang tính phân tán nếu nội dung, dữ liệu phản hồi và quy trình điều chỉnh không được kết nối. Ngược lại, tính hệ sinh thái xuất hiện khi các thành tố tạo thành quan hệ phụ thuộc lẫn nhau: lựa chọn nội dung ảnh hưởng đến lựa chọn nền tảng; đặc điểm nền tảng tác động đến cách thể hiện; phản hồi của công chúng quay trở lại quá trình tổ chức nội dung và phân phối. Vì vậy, yếu tố phân biệt của hệ sinh thái nằm ở logic vận hành và khả năng điều chỉnh, chứ không ở số lượng công cụ hay kênh truyền thông.

Trong phạm vi bài viết, hệ sinh thái truyền thông số trong tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị được hiểu là một chỉnh thể gồm bốn thành tố cơ bản: (1) chủ thể; (2) nội dung; (3) nền tảng và hạ tầng công nghệ số; (4) cơ chế vận hành. Các thành tố liên kết, phản hồi và điều chỉnh lẫn nhau trong quá trình kiến tạo, kiểm chứng, chuyển hóa, phân phối, tiếp nhận, tương tác và lan tỏa tri thức lý luận chính trị; đồng thời thích ứng với sự biến đổi của công nghệ, nền tảng và hành vi công chúng.

Bốn thành tố được xác lập theo chức năng trong quá trình truyền thông: chủ thể chỉ các tác nhân tham gia; nội dung chỉ tri thức và sản phẩm được kiến tạo, truyền thông; nền tảng và hạ tầng công nghệ số tạo môi trường, điều kiện kỹ thuật và dữ liệu; cơ chế vận hành quy định cách các thành tố được tổ chức, phối hợp và điều chỉnh. Trong nghiên cứu này, khái niệm “chủ thể” được dùng theo nghĩa rộng, tương ứng với các tác nhân (actors) tham gia vào quá trình vận hành hệ sinh thái, không đồng nhất với cách phân chia chủ thể - đối tượng trong mô hình tuyên truyền tuyến tính. Vì vậy, công chúng được đặt trong thành tố chủ thể khi họ không chỉ tiếp nhận mà còn tương tác, phản hồi và tham gia lan tỏa nội dung. Dữ liệu và thuật toán thuộc nền tảng, hạ tầng công nghệ số; dữ liệu phản hồi đồng thời là đầu vào của cơ chế điều chỉnh.

Đặc thù của hệ sinh thái này nằm ở mục tiêu và yêu cầu chuẩn mực của tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị. Đổi mới định dạng, phương thức phân phối hay mức độ tương tác chỉ có ý nghĩa khi giúp tri thức lý luận dễ tiếp cận, dễ lý giải hơn nhưng vẫn bảo đảm tính chính xác, tính khoa học, tính chính trị và trách nhiệm xã hội.

3.2. Các thành tố cấu thành hệ sinh thái truyền thông số

Từ cách hiểu trên, bốn thành tố của hệ sinh thái được phân tích theo chức năng tham gia vào quá trình truyền thông. Công chúng thuộc thành tố chủ thể; dữ liệu và thuật toán thuộc nền tảng và hạ tầng công nghệ số, đồng thời cung cấp đầu vào cho cơ chế phản hồi và điều chỉnh.

Thứ nhất, chủ thể là các lực lượng tham gia tổ chức, kiến tạo, cung ứng, lan tỏa, tiếp nhận và phản hồi. Có thể khái quát thành ba nhóm: lãnh đạo, quản lý; kiến tạo và cung ứng nội dung; tiếp nhận, tương tác và tham gia lan tỏa nội dung. Nhóm lãnh đạo, quản lý xác định mục tiêu, định hướng và khuôn khổ vận hành. Nhóm kiến tạo, cung ứng nội dung gồm cơ sở đào tạo, đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên, cơ quan báo chí, chuyên gia, nhà khoa học và các chủ thể truyền thông khác. Hiệu quả chung phụ thuộc vào khả năng phối hợp giữa định hướng, sản xuất nội dung và phản hồi của công chúng.

Báo chí là một chủ thể quan trọng. Luật Báo chí năm 2025 xác định báo chí là phương tiện thông tin thiết yếu đối với đời sống xã hội, có nhiệm vụ thông tin trung thực, kịp thời, tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (Quốc hội, 2025). Trong hệ sinh thái số, báo chí còn thực hiện vai trò kiểm chứng, biên tập, giải thích và định hướng. Công chúng, với khả năng tìm kiếm, chia sẻ, bình luận, phản biện và tái diễn giải nội dung, cũng tham gia vào quá trình lưu thông thông tin, phù hợp với quan niệm về truyền thông lan tỏa của Jenkins et al. (2013, tr. 2).

Trong khung phân tích này, ba nhóm chủ thể có vị trí khác nhau nhưng liên hệ trực tiếp với nhau. Nhóm lãnh đạo, quản lý tạo khuôn khổ định hướng; nhóm kiến tạo, cung ứng nội dung chuyển hóa tri thức thành sản phẩm; công chúng cung cấp tín hiệu phản hồi về mức độ tiếp nhận, những điểm khó hiểu hoặc nội dung cần giải thích thêm. Trong môi trường số, ranh giới giữa cung ứng và tiếp nhận linh hoạt hơn khi công chúng có thể chia sẻ, bình luận hoặc diễn giải lại nội dung. Điều đó không làm thay đổi vai trò định hướng của các chủ thể chính thống, nhưng đòi hỏi tăng khả năng theo dõi, đối thoại và xử lý phản hồi.

Thứ hai, nội dung là lõi giá trị của hệ sinh thái. Công nghệ mở rộng khả năng phân phối và tương tác,

nhưng chất lượng nội dung quyết định chiều sâu lý luận, tính chính xác, tính định hướng và khả năng thuyết phục. Nội dung bao gồm hệ thống tri thức lý luận chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những vấn đề lý luận nảy sinh từ thực tiễn phát triển, hội nhập và chuyển đổi số.

Tri thức lý luận có thể được chuyển hóa thành văn bản số, báo điện tử, video, podcast, đồ họa thông tin, bài giảng trực tuyến hoặc các hình thức tương tác khác. Việc lựa chọn định dạng phải phù hợp với nền tảng và nhóm công chúng nhưng không làm sai lệch bản chất, giản lược quá mức hoặc làm suy giảm tính chính xác của thông điệp chính trị - khoa học.

Trong khung phân tích này, chuyển hóa nội dung là tổ chức lại cách trình bày, không phải giản lược tri thức. Một vấn đề lý luận có thể được tổ chức thành nội dung nền tảng để bảo đảm chiều sâu; nội dung giải thích để làm rõ khái niệm và liên hệ thực tiễn; nội dung trực quan để hỗ trợ tiếp cận; nội dung hỏi - đáp để xử lý vấn đề công chúng quan tâm. Cách tổ chức nhiều tầng tạo các điểm tiếp cận khác nhau nhưng duy trì một lõi tri thức thống nhất, phù hợp với yêu cầu vừa dễ tiếp cận, vừa chính xác của nội dung lý luận chính trị.

Thứ ba, nền tảng và hạ tầng công nghệ số tạo điều kiện kỹ thuật, môi trường phân phối và khả năng thu thập, xử lý dữ liệu. Thành tố này gồm ba lớp: hạ tầng kỹ thuật và phần mềm; nền tảng phân phối nội dung và tương tác xã hội; hạ tầng dữ liệu và thuật toán. Ba lớp tương ứng bảo đảm khả năng lưu trữ, quản trị và truy cập; tạo điểm tiếp xúc, tương tác với công chúng; hỗ trợ tổ chức, tìm kiếm, gợi ý nội dung và ghi nhận phản hồi.

Mỗi nền tảng có logic vận hành, nhóm công chúng, định dạng và cơ chế đề xuất khác nhau. Klinger và Svensson (2015) cho rằng truyền thông xã hội vận hành theo logic mạng khác với truyền thông đại chúng truyền thống ở cách sản xuất và phân phối thông tin. Vì vậy, sử dụng nền tảng số cho tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị đòi hỏi lựa chọn định dạng, nhóm công chúng và phương thức phân phối phù hợp, đồng thời dự báo rủi ro.

Dữ liệu nội dung giúp chuẩn hóa, hệ thống hóa và tái sử dụng tri thức; dữ liệu về quá trình tiếp nhận như hành vi truy cập, câu hỏi, bình luận và phản hồi có

thể hỗ trợ nhận diện nhu cầu và điều chỉnh nội dung. Trong khung của bài viết, dữ liệu và thuật toán thuộc nền tảng và hạ tầng công nghệ số, còn dữ liệu phản hồi đồng thời trở thành đầu vào của cơ chế điều chỉnh.

Trong khung phân tích này, dữ liệu và thuật toán không chỉ phục vụ đo lường tương tác. Dữ liệu hành vi có thể cho biết nội dung được quan tâm hoặc điểm khiến công chúng đặt câu hỏi, nhưng không tự thân phản ánh mức độ hiểu đúng. Vì vậy, dữ liệu cần được đọc cùng nội dung phản hồi và bối cảnh tiếp nhận. Thuật toán tìm kiếm, gợi ý, xếp hạng có thể mở rộng tiếp cận nhưng cũng làm tăng phụ thuộc nền tảng. Chủ thể vì thế cần khai thác dữ liệu để điều chỉnh, đồng thời duy trì khả năng kiểm soát nội dung, lưu trữ, bảo mật và các kênh phân phối do mình quản trị.

Sự phụ thuộc vào nền tảng cũng đặt ra vấn đề quản trị. Nielsen và Ganter (2022, tr. 93) cho thấy ngay cả các cơ quan báo chí lớn, phát triển về số cũng cảm nhận họ có ít đòn bẩy trong quan hệ với nền tảng. Vì vậy, khai thác nền tảng công nghệ phải gắn với kiểm chứng, bảo vệ dữ liệu, tuân thủ pháp luật, đạo đức truyền thông và trách nhiệm xã hội; ở Việt Nam, Nghị định số 147/2024/NĐ-CP là một căn cứ pháp lý quan trọng (Chính phủ, 2024).

Thứ tư, cơ chế vận hành là thành tố tổ chức, bao gồm các thiết chế, quy trình và phương thức phối hợp cụ thể để chủ thể, nội dung, nền tảng và hạ tầng công nghệ số kết nối thành một chỉnh thể có định hướng, phối hợp và khả năng phản hồi. Khái niệm này không đồng nhất với quan hệ tương tác giữa các thành tố. Cơ chế vận hành bao gồm chỉ đạo, định hướng; phối hợp, liên kết; sản xuất, biên tập, kiểm chứng, chuẩn hóa nội dung; phân phối, lan tỏa; tiếp nhận, xử lý phản hồi và điều chỉnh.

Các cơ chế trên cần được tổ chức thành quy trình phối hợp giữa cơ quan quản lý, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, cơ quan báo chí và đội ngũ trực tiếp sản xuất nội dung; đồng thời gắn khâu biên tập, kiểm chứng, phân phối với tiếp nhận và xử lý phản hồi. Thiếu một mắt xích có thể làm giảm hiệu quả của toàn bộ hệ sinh thái dù các thành tố riêng lẻ đã được đầu tư.

Cơ chế vận hành có vai trò chuyển dữ liệu phản hồi thành căn cứ cho quyết định. Thông tin về nhu cầu, mức độ tiếp nhận, câu hỏi hoặc tranh luận của công chúng có thể được sử dụng để điều chỉnh chủ đề, cách diễn giải, định dạng và phương thức phân

phối; qua đó hạn chế tình trạng phát hành nội dung mà không nắm được hiệu quả tiếp nhận.

3.3. *Mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ sinh thái truyền thông số*



Hình 1. Mô hình quan hệ tương tác hai chiều giữa các thành tố trong hệ sinh thái truyền thông số trong công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất trên cơ sở tổng hợp lý thuyết.

Trong môi trường truyền thông số, các thành tố của hệ sinh thái không vận hành theo trật tự một chiều. Quá trình nền tảng hóa khiến định hướng, kiến tạo nội dung, phân phối, tiếp nhận, tương tác, dữ liệu và điều chỉnh diễn ra đan xen. Poell, Nieborg và van Dijck (2019) cho rằng nền tảng hóa góp phần tái tổ chức các thực hành xã hội và văn hóa. Từ góc nhìn này, Hình 1 khái quát bốn quan hệ trực tiếp chủ yếu theo chu trình vận hành của hệ sinh thái; mô hình không loại trừ các tương tác trực tiếp hoặc gián tiếp khác giữa các thành tố trong thực tế.

Quan hệ thứ nhất là giữa chủ thể và nội dung. Nhóm lãnh đạo, quản lý xác định mục tiêu và định hướng; nhóm kiến tạo, cung ứng nội dung thực hiện diễn giải, biên tập, kiểm chứng và chuyển hóa tri thức; công chúng tiếp nhận, tương tác và phản hồi. Phản hồi là căn cứ điều chỉnh cách trình bày, giải thích và phân phối nhưng không làm thay đổi bản chất của tri thức lý luận.

Quan hệ thứ hai là giữa nội dung và cơ chế vận hành. Do nội dung lý luận chính trị có tính hệ thống và yêu cầu cao về độ chính xác, quá trình chuyển hóa phải đặt trong các cơ chế định hướng, phối hợp, biên tập, kiểm chứng, chuẩn hóa, phân phối và phản hồi. Ngược lại, đặc điểm nội dung cũng đặt ra yêu cầu khác nhau đối với quy trình tổ chức và kiểm soát.

Quan hệ thứ ba là giữa cơ chế vận hành với nền tảng và hạ tầng công nghệ số. Nền tảng, dữ liệu và thuật toán tạo khả năng phân phối, đo lường và phản

hồi, đồng thời làm phát sinh rủi ro về phụ thuộc nền tảng, bảo vệ dữ liệu và trách nhiệm xã hội. Sự bất cân xứng quyền lực mà Nielsen và Ganter (2022, tr. 93) chỉ ra cho thấy cơ chế vận hành phải bao quát lựa chọn nền tảng, tổ chức dữ liệu, kiểm soát rủi ro và tuân thủ pháp luật, đồng thời tính đến yêu cầu quản trị nền tảng đa bên (UNESCO, 2023).

Quan hệ thứ tư là giữa nền tảng, hạ tầng công nghệ số với chủ thể. Nền tảng không chỉ mở rộng khả năng tiếp cận mà còn ảnh hưởng đến cách nội dung được nhìn thấy, ưu tiên và lan truyền. Xu hướng nền tảng hóa và phân mảnh tiếp cận tin tức (Nielsen & Fletcher, 2023; Egan et al., 2026) đòi hỏi chủ thể truyền thông hiểu logic nền tảng, lựa chọn hình thức thể hiện phù hợp và theo dõi phản hồi; hành vi tương tác của công chúng tiếp tục tạo dữ liệu tác động trở lại quá trình phân phối.

Bốn quan hệ chủ yếu trên hình thành một chu trình: định hướng - chuyển hóa nội dung - kiểm chứng - lựa chọn nền tảng - phân phối - tiếp nhận - tương tác - ghi nhận, phân tích phản hồi - điều chỉnh. Chu trình lặp lại liên tục; dữ liệu về công chúng, hiệu quả nội dung, đặc điểm nền tảng và những điểm nghẽn trong phối hợp quay trở lại tác động đến lựa chọn chủ đề, cách diễn giải, định dạng sản phẩm và phương thức phân phối.

Chu trình trên không nên được hiểu như một trình tự cứng. Trong thực tế, các khâu có thể diễn ra đồng thời và tác động chéo: phản hồi của công chúng có thể làm thay đổi cách diễn giải khi nội dung đang được phân phối; thay đổi thuật toán hoặc chính sách nền tảng có thể buộc chủ thể điều chỉnh định dạng và kênh tiếp cận; yêu cầu kiểm chứng có thể làm thay đổi thời điểm phát hành. Dữ liệu phản hồi vì thế có giá trị khi được chuyển thành quyết định cụ thể, nhưng không thay thế phán đoán chuyên môn và yêu cầu chuẩn mực của tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị. Chính khả năng tiếp nhận tín hiệu từ môi trường, phân tích và điều chỉnh mà vẫn giữ mục tiêu, nội dung cốt lõi là biểu hiện rõ của tính thích ứng trong hệ sinh thái.

Quan hệ giữa các thành tố cũng có thể phát sinh căng thẳng: giữa yêu cầu định hướng chính trị với tính mở của nền tảng; giữa chiều sâu lý luận với xu hướng ngắn gọn, trực quan; giữa kiểm chứng với tốc độ lan truyền; giữa mở rộng tiếp cận với nguy cơ phụ

thuộc nền tảng; giữa khai thác dữ liệu với yêu cầu bảo vệ dữ liệu và trách nhiệm xã hội. Những căng thẳng này đòi hỏi năng lực quản trị và cơ chế phối hợp, phù hợp với cách tiếp cận quản trị nền tảng đa bên mà UNESCO (2023) nhấn mạnh.

Từ đó, tính hệ sinh thái được thể hiện ở ba đặc điểm: liên kết, phản hồi và thích ứng. Liên kết là sự phụ thuộc và tác động lẫn nhau giữa các thành tố; phản hồi là việc sử dụng tương tác của công chúng và dữ liệu làm căn cứ điều chỉnh; thích ứng là khả năng thay đổi cách tổ chức nội dung, lựa chọn nền tảng, phương thức phân phối và cơ chế phối hợp trước biến đổi của môi trường. Giá trị phân tích của khung vì vậy không chỉ nằm ở việc xác định bốn thành tố, mà còn ở việc lý giải cách chúng vận động trong một chu trình có phản hồi và khả năng thích ứng.

3.4. Giá trị lý luận và hàm ý thực tiễn của cách tiếp cận hệ sinh thái

Giá trị lý luận của cách tiếp cận hệ sinh thái nằm ở việc chuyển điểm nhìn từ từng công cụ, kênh hoặc sản phẩm riêng lẻ sang quan hệ giữa các thành tố trong toàn bộ quá trình truyền thông. Cách tiếp cận này xem đổi mới tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị như quá trình tổ chức đồng thời chủ thể, nội dung, nền tảng và hạ tầng công nghệ số, cơ chế vận hành; trong đó phản hồi tạo đầu vào cho điều chỉnh và thích ứng.

Về tổ chức nội dung, khung phân tích cho phép xem xét việc mở rộng không gian tiếp cận thông qua học liệu số và các sản phẩm truyền thông phù hợp với từng nhóm công chúng, đồng thời chuyển hóa tri thức lý luận theo nhiều định dạng mà không làm mất chiều sâu, tính chính xác và bản chất chính trị - khoa học của nội dung.

Về tương tác và đánh giá, phản hồi của công chúng có thể được xem là nguồn lực giúp nhận diện nhu cầu thông tin, khoảng trống nhận thức và vấn đề gây tranh luận. Nghiên cứu của Martin et al. (2024) cũng cho thấy sự tham gia của công chúng có thể gắn với quá trình tổ chức, diễn giải và phổ biến thông tin, chứ không chỉ với việc gia tăng tương tác bề mặt. Theo đó, đánh giá hiệu quả cần vượt ra ngoài lượt xem, lượt chia sẻ để quan tâm đến chất lượng tiếp nhận, phản hồi và khả năng điều chỉnh.

Trong khung phân tích này, hiệu quả có thể được xem xét theo nhiều lớp. Các chỉ số như lượt xem, lượt nghe, thời lượng hoặc lượt chia sẻ phản ánh phạm vi

phân phối nhưng chưa cho biết chất lượng tiếp nhận. Việc đánh giá vì vậy nên quan tâm thêm đến câu hỏi của công chúng, mức độ hiểu đúng, những nội dung thường bị diễn giải sai, khả năng đối thoại và việc phản hồi có được chuyển thành điều chỉnh hay không. Theo cách tiếp cận này, năng lực của chủ thể còn bao gồm tổ chức dữ liệu, phân tích phản hồi, phối hợp và ra quyết định trong chu trình truyền thông. Cách đánh giá đó chuyển trọng tâm từ từng sản phẩm riêng lẻ sang chất lượng vận hành của hệ sinh thái.

Về quản trị, không gian mạng vừa mở rộng khả năng lan tỏa thông tin chính thống, vừa làm tăng tốc độ lưu chuyển của thông tin sai lệch hoặc diễn giải phiến diện. Trong yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng theo Nghị quyết số 35-NQ/TW (Bộ Chính trị, 2018), cách tiếp cận hệ sinh thái gợi mở việc xem xét đồng thời nội dung, nền tảng, dữ liệu, tương tác và trách nhiệm của các chủ thể; hướng tiếp cận này cũng phù hợp với quản trị nền tảng đa bên mà UNESCO (2023) nhấn mạnh.

Từ khung phân tích trên, có thể rút ra bốn định hướng thực tiễn: phát triển năng lực truyền thông số cho các lực lượng tham gia; chuẩn hóa và cập nhật học liệu, dữ liệu nội dung; xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan chỉ đạo, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, báo chí và chuyên gia; hình thành cơ chế đánh giá dựa đồng thời trên mức độ tiếp cận, chất lượng tiếp nhận, phản hồi và khả năng điều chỉnh. Các định hướng này cần tiếp tục được kiểm nghiệm bằng nghiên cứu thực tiễn.

Trong phạm vi khung đề xuất, bốn định hướng trên cần được xem xét trong mối quan hệ đồng bộ thay vì triển khai tách rời. Năng lực truyền thông số khó tạo chuyển biến nếu thiếu học liệu chuẩn hóa, dữ liệu có thể khai thác và cơ chế phối hợp rõ ràng; ngược lại, đầu tư nền tảng hoặc kho dữ liệu cũng chưa đủ nếu chủ thể thiếu khả năng diễn giải nội dung, phân tích phản hồi và điều chỉnh hoạt động. Phát triển hệ sinh thái vì thế không nên được hiểu như một dự án công nghệ riêng lẻ, mà là quá trình tổ chức lại nguồn lực, quy trình và năng lực quanh mục tiêu nâng cao chất lượng truyền đạt, tiếp nhận và phản hồi tri thức lý luận chính trị.

4. Kết luận

Bài viết đề xuất cách hiểu về hệ sinh thái truyền thông số trong tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị và xác định bốn thành tố gồm chủ thể, nội dung,

nền tảng và hạ tầng công nghệ số, cơ chế vận hành. Điểm cốt lõi của khung không nằm ở số lượng thành tố mà ở mối quan hệ liên kết, phản hồi và thích ứng giữa chúng trong chu trình truyền thông.

Về lý luận, khung phân tích góp phần cụ thể hóa cách tiếp cận hệ sinh thái trong nghiên cứu truyền truyền, giáo dục lý luận chính trị, chuyển trọng tâm từ mô hình truyền thông tuyến tính sang cấu trúc quan hệ động. Về thực tiễn, khung cung cấp cơ sở để xem xét đồng bộ các thành tố, coi dữ liệu phản hồi là nguồn lực phục vụ đánh giá và điều chỉnh, đồng thời mở rộng tiêu chí hiệu quả từ mức độ tiếp cận sang chất lượng tiếp nhận và khả năng thích ứng.

Do giới hạn phạm vi, bài viết mới dừng ở nghiên cứu lý luận và đề xuất khung khái niệm. Các nghiên cứu tiếp theo cần kiểm nghiệm khung tại cơ quan báo chí, cơ sở đào tạo lý luận chính trị, địa phương hoặc trên các nền tảng cụ thể; từ đó xây dựng bộ tiêu chí đo lường mức độ liên kết, chất lượng phản hồi, năng lực quản trị dữ liệu và khả năng thích ứng của hệ sinh thái trong thực tiễn./

**Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp Bộ trọng điểm “Nghiên cứu phát triển hệ sinh thái truyền thông số trong công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị”, do PGS, TS. Phạm Minh Sơn làm chủ nhiệm.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư. (2025). *Quy định số 350-QĐ/TW ngày 29/8/2025 về đổi tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị.*
2. Bộ Chính trị. (2018). *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.*
3. Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.* Công Thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ.
4. Castells, M. (2010). *The rise of the network society (2nd ed.)*. Wiley-Blackwell. DOI: 10.1002/9781444319514.
5. Chadwick, A. (2017). *The hybrid media system: Politics and power (2nd ed.)*. Oxford University Press. DOI: 10.1093/oso/9780190696726.001.0001.
6. Chính phủ. (2024). *Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.* Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
7. Jenkins, H., Ford, S., & Green, J. (2013). *Spreadable media: Creating value and meaning in a networked culture*. New York University Press.
8. Klinger, U., & Svensson, J. (2015). *The emergence of network media logic in political communication: A theoretical approach*. New Media & Society, 17(8), 1241-1257. DOI: 10.1177/1461444814522952.
9. Lương Khắc Hiếu (Chủ biên). (2008). *Nguyên lý công tác tư*

tướng (Tập II). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

10. Martin, J. A., Camaj, L., & Lanosga, G. (2024). *Audience engagement in data-driven journalism: Patterns in participatory practices across 34 countries*. Journalism, 25(7), 1578-1596. DOI: 10.1177/14648849241230414
11. Newman, N., Fletcher, R., Robertson, C. T., Ross Arguedas, A., & Nielsen, R. K. (2024). *Reuters Institute Digital News Report 2024*. Reuters Institute for the Study of Journalism.
12. Newman, N., Ross Arguedas, A., Robertson, C. T., Nielsen, R. K., & Fletcher, R. (2025). *Reuters Institute Digital News Report 2025*. Reuters Institute for the Study of Journalism.
13. Nielsen, R. K., & Fletcher, R. (2023). *Comparing the platformization of news media systems: A cross-country analysis*. European Journal of Communication, 38(5), 484-499. DOI: 10.1177/02673231231189043.
14. Nielsen, R. K., & Ganter, S. A. (2022). *The power of platforms: Shaping media and society*. Oxford University Press. DOI: 10.1093/oso/9780190908850.001.0001.
15. Phan Sỹ Thanh. (2025). *Công tác tư tưởng, lý luận trong bối cảnh chuyển đổi số*. Tạp chí điện tử Lý luận chính trị và Truyền thông, ngày 09/9/2025.
16. Poell, T., Nieborg, D., & van Dijck, J. (2019). *Platformisation*. Internet Policy Review, 8(4). DOI: 10.14763/2019.4.1425
17. Quốc hội. (2025). *Luật Báo chí số 126/2025/QH15 ngày 10/12/2025*. Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
18. Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
19. Thủ tướng Chính phủ. (2023). *Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Cổng thông tin điện tử Chính phủ.
20. Thủ tướng Chính phủ. (2026). *Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030*. Cổng thông tin điện tử Chính phủ.
21. UNESCO. (2023). *Guidelines for the governance of digital platforms: Safeguarding freedom of expression and access to information through a multi-stakeholder approach*. UNESCO.
22. van Dijck, J., Poell, T., & de Waal, M. (2018). *The platform society: Public values in a connective world*. Oxford University Press. DOI: 10.1093/oso/9780190889760.001.0001.
23. Zhu, J. J. H., & Peng, T.-Q. (2025). *An ecological approach to debated questions in communication research: Issue competition, media convergence, and AI-generated content*. Communication and Change, 1, Article 2. DOI: 10.1007/s44382-025-00005-0.